

Số: 171/QĐ - TTYT

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành giá thu phí y tế dự phòng và các dịch vụ kỹ thuật tại Trung tâm Y tế thành phố Cẩm Phả

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ TP CẨM PHẢ

- Căn cứ quyết định số 429/ QĐ - SYT ngày 15 tháng 09 năm 2008 của Giám đốc Sở y tế Quảng Ninh “ Về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Sở y tế”.

- Căn cứ Thông tư số 240/2016/TT – BTC ngày 11/11/2016 của Bộ tài chính “ Về việc Quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập”

- Căn cứ Nghị quyết số 59/2017/NQ - HĐND ngày 7/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh “ Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”

Xét đề nghị của các khoa và Bộ phận kế toán Trung tâm Y tế Cẩm Phả về các danh mục kỹ thuật thực hiện tại các khoa thuộc Trung tâm Y tế thành phố Cẩm Phả.

QUYẾT ĐỊNH:

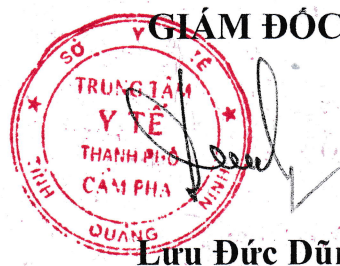
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng giá thu phí y tế dự phòng và các dịch vụ kỹ thuật” thực hiện tại Trung tâm Y tế thành phố Cẩm Phả.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018

Điều 3. Các Ông (Bà), Ban Giám đốc, Lãnh đạo các khoa/ phòng, Bộ phận kế toán đơn vị và các bộ phận có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các khoa, phòng
- Lưu: VT,



Lưu Đức Dũng

Cẩm Phả, ngày 29 tháng 12 năm 2017

BẢNG GIÁ THU PHÍ Y TẾ DỰ PHÒNG VÀ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT

(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ- TTYT ngày 29 tháng 12 năm 2017)

STT	Loại dịch vụ	Giá tiền (VND)	Ghi chú
I. XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC			
1	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	24.600	TT số 240/2016
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	39.200	TT số 240/2016
3	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	22.400	NQ 59/2017
4	Định nhóm máu ABO (Kỹ thuật phiên đá)	38.000	NQ 59/2017
II. XÉT NGHIỆM SINH HÓA			
1	Định lượng Acid Uric	30.000	TT số 240/2016
2	Định lượng Albumin	26.000	TT số 240/2016
3	Định lượng Amylase	21.000	NQ 59/2017
4	Đo hoạt độ ALT(GPT)	21.000	NQ 59/2017
5	Đo hoạt độ ÁST(GOT)	21.000	NQ 59/2017
6	Định lượng Bilirubin trực tiếp	25.000	TT số 240/2016
7	Định lượng Bilirubin gián tiếp	25.000	TT số 240/2016
8	Định lượng Bilirubin toàn phần	25.000	TT số 240/2016
9	Định lượng Cholesterol toàn phần	29.000	TT số 240/2016
10	Định lượng Creatinin	25.000	TT số 240/2016
11	Định lượng Glucose	26.000	TT số 240/2016
12	Định lượng HDL-C (Hight density lipoprotein)	30.000	TT số 240/2016
13	Định lượng LDL-C (Lactat dehydrogenase)	30.000	TT số 240/2016
14	Định lượng Protein	26.000	TT số 240/2016
15	Định lượng Triglycerid	35.000	TT số 240/2016
16	Định lượng Urê	21.000	NQ 59/2017
III. NƯỚC TIỂU			
1	Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động)	35.000	TT số 240/2016
2	Định tính Amphetamin (test nhanh)	42.400	NQ 59/2017
3	Định tính Opiate (test nhanh)	42.400	NQ 59/2017
4	Xét nghiệm sàng lọc và định tính 5 loại ma túy	630.000	NQ 59/2017

IV. XÉT NGHIỆM VI SINH

A. Vi sinh			
1	Vi khuẩn nhuộm soi	65.500	NQ 59/2017
2	AFB trực tiếp nhuộm Zilh-Neelsen	15.000	TT số 240/2016
3	Chlamydia test nhanh	69.000	NQ 59/2017
B. Virus			
1	HbsAg test nhanh	52.000	TT số 240/2016
2	HbeAg test nhanh	57.500	TT số 240/2016
3	HCV Ab test nhanh	51.700	TT số 240/2016
4	HAV Ab test nhanh	80.000	TT số 240/2017
5	HEV Ab test nhanh	80.000	TT số 240/2018
6	HIV Ab test nhanh	52.000	TT số 240/2019
C. Kí sinh trùng			
1	Đơn bào đường ruột soi tươi	15.000	TT số 240/2019
2	Trứng giun sán soi tươi	15.000	TT số 240/2019
3	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	31.000	NQ 59/2017
D. Vi nấm			
1	Vi nấm nhuộm soi	40.200	NQ 59/2017
V. CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT			
1	Siêu âm màu ổ bụng, thai (Doppler)	115.000	Theo giá đề án xã hội hóa
2	Siêu âm 2D tuyến giáp	40.000	Theo giá đề án xã hội hóa
3	Siêu âm 2D tuyến vú	40.000	Theo giá đề án xã hội hóa
4	Siêu âm đầu dò âm đạo	150.000	Theo giá đề án xã hội hóa
5	Khám phụ khoa	31.000	NQ 59/2017
6	Tiêm thuốc tránh thai	10.000	NQ 59/2017
7	Cấy -Tháo thuốc tránh thai	200.000	NQ 59/2017
8	Đặt tháo dụng cụ tử cung	210.000	NQ 59/2017
9	Hút thai dưới siêu âm	430.000	NQ 59/2017
10	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	562.000	NQ 59/2018
11	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	268.000	NQ 59/2019
12	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	358.000	NQ 59/2020
13	Phá thai đến hết 7 tuần bằng thuốc	177.000	NQ 59/2021

14	Phá thai từ 7 tuần đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	383.000	NQ 59/2022
15	Soi cổ tử cung	58.900	NQ 59/2023
16	Xoắn hoặc cắt bỏ Polype âm hộ, âm đạo, cổ tử cung	370.000	NQ 59/2024
17	Chụp Xquang tim phổi	42.000	TT số 240/2016
18	Đo khúc xạ máy (1 lần đo)	6.500	TT số 240/2016
19	Thử kính (1 lần đo)	13.000	TT số 240/2016
20	Đo mật độ xương 1 vị trí	79.500	NQ 59/2019
21	Đo mật độ xương 2 vị trí	139.000	NQ 59/2019

VI. PHUN DIỆT VEC TƠ

1	Phun khử trùng cơ quan, xí nghiệp	5.000đ/m2	TT số 240/2016
2	Phun khử trùng khách sạn	5.000đ/m2	TT số 240/2016
3	Diệt chuột	2.000đ/m2	TT số 240/2016
4	Diệt côn trùng bằng hoá chất (muối, ruồi, bọ chết, gián ...)	5.000đ/m2	TT số 240/2016

Áp dụng giá thu trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2018

